

# Tô Thùy Yên, Thi Ca & Lễ Sống



Nguyệt san Lửa Việt của Hội Sinh Viên Đại Học Hà Nội vừa di cư vào Nam thực hiện chỉ ra được vài số và ngưng xuất bản đầu năm 1955. Tuần báo Người Việt phát hành vào tháng 8 năm 1955 cũng chỉ được thời gian. Tạp chí văn nghệ Sáng Tạo (1956-1961) ra đời vào tháng 10 năm 1956 tại Sài Gòn do Mai Thảo và Doãn Quốc Sỹ chủ trương với bộ biên tập Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Thái Tuấn, Thanh Tâm Tuyền... và Tô Thùy Yên là nhà thơ miền Nam trong nhóm Sáng Tạo.

Trong cuộc trò chuyện với Nguyễn Mạnh An Dân, TTY chia sẻ: *"Hồi đó, vào khoảng cuối năm 1954, sau khi có một hai bài thơ đăng trên tuần báo Đời Mới, tôi thường lui tới với vị chủ biên của tuần báo đó là nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, người mà tôi rất kính mến. Một số các anh sau này là những tác giả nòng cốt của nhóm Sáng Tạo như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ... mới di cư, cũng thường lui tới với ông Nguyễn Đức Quỳnh, và tôi quen với các anh ấy từ đó. Một hai năm sau, tạp chí Sáng Tạo thành hình và tôi đã gia nhập bằng những bài thơ mà tạp chí sẵn sàng đón nhận. Tôi là đứa trẻ nhất trong nhóm, 17 tuổi, và lại là tên Nam Kỳ duy nhất".*

Theo Nguyễn Sỹ Tế trong bài *Nhìn Lại Tạp Chí Sáng Tạo* trên tờ *Khởi Hành*, 11-2001: *"Chủ trương của Sáng Tạo là dùng phương tiện văn chương và nghệ thuật tranh đấu cho tự do, thúc đẩy sự đổi mới, dung nạp những dị biệt cá tính trong một nền văn hóa phong phú và cởi mở hơn..."*

Trong hai thập niên (54-75) Tô Thùy Yên có nhiều bài thơ nổi tiếng đăng báo nhưng chưa có thi phẩm xuất bản. TTY dịch cuốn *Phận Người - La Condition Humaine* của

André Malraux. (La Condition Humaine được giải thưởng Goncourt cuối năm 1933, mô tả cuộc nội chiến tương tàn ở Trung Hoa vào thời kỳ tranh chấp giữa quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch và lực lượng cộng sản trong thời kỳ manh nha. Sau này Lê Thanh Hoàng Dân & Mai Vi Phúc dịch là *Thân Phận Con Người*. Ngoài ra có tác phẩm: Hồn Thủy (tiểu thuyết), tuyển tập truyện ngắn Tô Thùy Yên.

Bài thơ *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu* của Tô Thùy Yên vào tháng 4 năm 1956 trên *Sáng Tạo*, hình ảnh liên tưởng độc đáo, gây tiếng vang, được yêu thích.

*"Trên cánh đồng hoang thuần một màu  
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi  
Tàu chạy mau mà qua rất lâu  
Tàu chạy mau tàu chạy rất mau  
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu  
Cỏ cây cỏ cây lụi chóng mặt  
Gò nổng cao rồi thung lũng sâu  
Ngựa thở hào hển thở hào hển  
Tàu chạy mau vẫn mau vẫn mau  
Mặt trời mọc xong mặt trời lặn  
Ngựa gục đầu gục đầu gục đầu  
Cánh đồng a! Cánh đồng sắp hết  
Tàu chạy mau càng mau càng mau  
Ngựa ngã lăn mình mướt như cỏ  
Như giữa nền nhưng một vết nâu".*

Theo Đặng Tiến: "*Cánh đồng, con ngựa ở đây khác với những hình ảnh trong thơ cổ, tranh Đường, tranh Tống, ngược lại phần nào đó, gợi lên nền "văn hóa đồng hoang" của Nga La Tư thời cổ đại. Chuyển tàu – nô na là xe lửa – là biểu tượng văn minh cơ khí và hiện đại. Cuộc va chạm lớn lao giữa hai nền văn minh đông phương thảo mộc và tây phương cơ giới đã được nhà văn Phạm Văn Ký, 1910-1992, vẽ lại trong tiểu thuyết Mất Nơi Trú ẩn (Perdre la Demeure, Gallimard, 1961, giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp), mô tả cảnh xây dựng con đường sắt tại Nhật Bản vào thế kỷ XIX".*

Với Du Tử Lê thì: "*Tôi nghĩ, hình ảnh con ngựa rượt, đuổi chuyển tàu, với phong nền là những cánh đồng nối nhau, hút mắt; là một bức tranh sống động vẽ bằng... ngôn ngữ. Sức sống động mạnh mẽ tới độ, chúng cho ta cảm tưởng tác giả đã chụp được một bức ảnh thời gian... Bằng tài năng đặc biệt của mình".*

Trong nhóm *Sáng Tạo*, Thanh Tâm Tuyền và Tô Thùy Yên cổ võ thơ tự do "thơ hôm nay là thơ tự do" (TTT) nhưng không có bài thơ tự do nào của TTY được nổi tiếng. "Duyệt lại hành trình thi ca Tô Thùy Yên, 20 năm văn chương miền Nam, căn cứ trên mấy chục số tạp chí *Sáng Tạo*, từ bộ cũ đến bộ mới; bên cạnh những bài thơ tự do (rất ít), thì hầu hết những bài thơ ký tên Tô Thùy Yên là thơ có vần, điệu" (DTL).

Khi định cư ở Hoa Kỳ, Tô Thùy Yên mới gom lại tất cả những bài thơ để ấn hành hai thi phẩm: *Thơ Tuyển* (xuất bản ở Đức năm 1994; Minnesota, Hoa Kỳ, 1995) & *Thấp Tà* (An Tiêm, Houston, Hoa Kỳ, 2004).

✱

Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1938 tại Gò Vấp. Học Trung Học trường Petrus Trương Vĩnh Ký, theo học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, ban văn chương Pháp, một thời gian rồi bỏ dở. Ngoài ra còn bút hiệu khác là Đinh Nhật Tiên.

Cuối năm 1963 Tô Thùy Yên nhập ngũ khóa 17 tại Trường Bộ Binh Thủ Đức, phục vụ tại Vùng IV hai năm rồi về Cục Tâm Lý Chiến. Chức vụ cuối cùng là Thiếu Tá, Trưởng Phòng Văn Nghệ.

Sau tháng 4 năm 1975, Tô Thùy Yên bị hai lần tù, tổng cộng gần mười ba năm.

Phan Lạc Phúc viết: "*Các bạn tù Thanh Chương đọc thơ Tô Thùy Yên, Hà Thượng Nhân vanh vách. Tôi không có duyên gặp bạn trong tù... (Phan Lạc Phúc ở trại tù Tân Lập, Vĩnh Phú).*

*... Nhưng đến hồi cuối năm 85, người làm thơ biệt xứ Tô Thùy Yên được về - Lúc ấy trời đã sang thu thì phải. Bố con tôi đã phải mặc áo ấm trên con đường tỉnh lộ xào xạc heo may. Khi tôi đi tù cải tạo con gái út tôi mới có 5 tuổi. Khi tôi về nó đã 15 tuổi bắt đầu thiếu nữ...*

*... Chưa được gặp nhưng con tôi nó muốn gần chị G. (Đinh Quỳnh Giao) con gái đầu của Tô Thùy Yên, học thật giỏi. Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa (không có giai cấp) nhưng khi thi vào đại học có 15 thứ hạng. Ưu tiên hạng 1, 2, 3 thuộc gia đình cách mạng hay "chính sách" thì thi ba bài từ 7 điểm trở lên đã được "chiếu cố" vô Đại Học rồi. Con cái "ngụy quân" như con chúng tôi đứng hạng thứ 14 áp chót (hạng chót là gia đình phản động, phản cách mạng). Khi bố đi tù cải tạo về rồi thì lại lên được một hạng, hạng 13. Con cái ngụy quân muốn vô đại học phải đạt 21 điểm, gấp 3 số điểm gia đình chính sách thì mới vô đại học được.. G. con gái đầu ông bà Tô Thùy Yên thừa điểm vào Y Khoa. MT con tôi, Tr. T con Thanh Tâm Tuyền và H. con trai Tô Thùy Yên chúng nó cùng học lớp 10. Mấy đứa nhỏ chắc đều suy nghĩ: Ở đây nếu muốn sống cho ra sống thì chỉ còn có cách làm như chị G.*

*... Hơn 10 năm gặp lại bạn... thấy bạn già đi (tất nhiên rồi) mà chắc bạn thấy tôi cũng vậy. Hình như bạn có khuyết một vài cái răng thì phải, cái cười hơi trống vắng...*

*Cuối năm 1990, ngày Thứ Sáu 13 tháng 10. Ngày xấu "đi chơi cũng thiệt lọ là đi đâu". Tôi quanh quẩn ở trong nhà. Chợt có tiếng xe Honda thẳng xiết trước chiếc cầu nhỏ, bắc qua con lạch vào căn nhà Hóc Môn của tôi. Nhìn ra thấy H. con trai Tô Thùy Yên đang hấp tấp dắt xe vào. Tôi chạy ra, thấy vẻ hốt hoảng của H. nên vội hỏi "có chuyện gì vậy cháu? – "Bố cháu vừa bị bắt rồi" – H. thảng thốt nói tiếp: "Trước khi lên xe công an, bố cháu nói nhỏ: đi báo các bác nên cháu vội chạy lên đây". Nhà tôi bảo H. ở lại ăn cơm cái đã nhưng H. nhất định ra về "Để cháu phải đi ngay cho kịp vài nơi nữa..."*

\*

Tô Thùy Yên nhà nhà thơ lớn trên thi đàn Việt Nam, dĩ nhiên đã có nhiều người đề cập. Tuy không thích "tính lảng quảng" của ông (chữ của Mai Thảo) nhưng một số thơ của ông là chứng nhân cho giai đoạn lịch sử. Quan niệm "văn dĩ tải đạo" của Tống Nho và Chu Đôn Di không phù hợp với một số tác giả. Với thơ vắn (7 chữ & 8 chữ) của Tô Thùy Yên rất tuyệt vì mang âm hưởng của hồn thơ Đông Phương.

Vẫn theo Phan Lạc Phúc: *"Vào khoảng giữa thập niên 60 có một việc, nhỏ thôi nhưng đã làm thay đổi Tô Thùy Yên. Anh bắt đầu đọc Đường Thi. Yên là một người ưa thích sự toàn hảo (gout du parfait). Anh không bằng lòng với những bản dịch. Yên muốn đọc thơ Đường bằng nguyên tác và Tô Thùy Yên học chữ Nho. "Học cho vui, chơi vậy mà". Xuống Gò Vấp, thấy Tô Thùy Yên viết chữ Nho rất đẹp. Và đột nhiên tôi được đọc một số bài thơ mang phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Đọc thơ trước đây của Yên người ta thấy phảng phất St J. Perse hoặc Valery – bây giờ thấy Tô Thùy Yên "Quy khứ lai tử" như Đào Tiềm quay về nơi bần trạch".*

Thơ vắn của Tô Thùy Yên không bị gò bó trong niêm luật, rất thoáng nên khi đọc cảm nhận được âm điệu song hành giữa ngôn ngữ và ý thơ.  
Trong cuộc phỏng vấn của Nguyễn Hoàng Nam, Tô Thùy Yên chia sẻ về thơ vắn:

*"Tôi cũng nhận thấy thêm là một bài thơ dài thành công, tức không bị sa lầy vào sự phân giải lảm lòi, phải là một bài thơ mà mỗi đoạn ngắn của nó, nếu như được tách riêng ra, đã có đầy đủ cường độ của một bài thơ hoàn chỉnh. Nghĩ xa hơn một chút, tôi có cảm tưởng là giọng của thơ vắn vốn là giọng "kể", hiểu tho nghĩa "kể lể" cũng được, và giọng của thơ không vắn là giọng "nói", giọng "nói thường"...*

*... Thơ vắn, nói chung, kiêng kỵ những bức phá. Trước đây vài thập niên, một số không nhỏ những người đọc thơ đã rất ngại tiếp nhận thơ tự do, phần lớn chẳng phải nhạc tính xa lạ, trúc trắc, khổ độc của thơ tự do, như họ thường bày tỏ, mà có lẽ, theo thiên nghĩ của tôi, là do tinh thần của thơ tự do còn quá xa lạ đối với họ, điều mà gần như họ chẳng muốn thú nhận. Thơ tự do, cũng như thơ mới trước kia, ra đời vì sự thay đổi của hồn thơ, chứ không phải đơn thuần là sự thay đổi của luật thơ...*

*... Những bài thơ trước đời đường, thậm chí cả trong thời Sơ Đường, đơn cử bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu chẳng hạn, hay những bài thơ có dáng dấp Đường Thi của Nguyễn Trãi rõ ràng không theo đúng niêm luật chặt chẽ về sau của đường thi, nhưng chẳng phải vì vậy mà không phải là những bài thơ mà giá trị gần như mầu mực. Nói cách khác, luật mô phỏng thực tế, chứ thực tế không mô phỏng luật bao giờ. Do đó, nếu đã chẳng thể coi niêm luật thơ như một thuận tiện có sẵn giúp cho người làm thơ (và hẳn nhiên cả người đọc thơ) được dễ dàng trong việc tìm gặp những thói quen nào đó của một ngôn ngữ thì lại không nhất thiết phải coi niêm luật thơ là khuôn vàng thước ngọc, để khỏi tự trói buộc chết cứng vào niêm luật thơ. Luật nào cũng vậy đã cấu thành được thì cũng hủy bỏ được. Một cách tự nhiên, thi hứng đưa đẩy tới những phá cách cần thiết. Thông thường, một bài thơ vẫn phá cách thể hiện cùng lúc hai khung hướng đối nghịch nhau là muốn thoát ly khỏi tính đơn điệu, nhưng lại vẫn muốn còn nương tựa vào tính thói quen..."*

Nhân dịp Tô Thùy Yên vào tuổi bát tuần (10-1938), trích đăng vài bài thơ của ông được ngưỡng mộ trong thời chinh chiến và niềm đau của kẻ chiến bại.

Ngày nay quần đảo Hoàng Sa (ngoài khơi Đà Nẵng) và Trường Sa (ngoài khơi Nha Trang) hiện nay đề cập rất nhiều trong cuộc xâm lăng của Trung Quốc và cuộc tranh chấp với nhau trở thành điểm nóng trên Biển Đông.

Năm 1956, Hải Quân Việt Nam đã thay thế hẳn Hải Quân Pháp chịu trách nhiệm trú đóng và gìn giữ các hải đảo phía Nam vĩ tuyến 17. Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã đồn trú và bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa trước âm mưu xâm lấn của đối phương. Đầu năm 1974 cuộc hải chiến Hoàng Sa giữa Hải Quân VNCH và Hải Quân Trung Cộng đã đi vào quân sử. Ngày 19 tháng Giêng 1974, HQ 4 Trần Khánh Dư cùng với HQ 5, HQ 10 và HQ 16 mở cuộc hải chiến lầy lừng nhất trong chiến sử quân chủng, đánh chìm 2 tàu và làm hư hại 2 tàu khác của Hải Quân Trung Cộng trên vùng biển Hoàng Sa, và sau đó cuộc hải chiến giữa Hải Quân VNCH và Hải Quân Trung Cộng đã đi vào quân sử. Với Trường Sa thì Hải Quân VNCH đã loại trừ đối phương xâm nhập.

Tháng 3 năm 1974, Tô Thùy Yên sáng tác bài thơ *Trường Sa Hành*. Đây là một trong những bài "hành" nổi tiếng trong thi ca Việt Nam như *Tổng Biệt Hành* của Thanh Tâm, *Hành Phương Nam* của Nguyễn Bính:

*"Trường Sa! Trường Sa! Đảo chuyển choáng!  
Thăm thẳm sâu vầy trắng bốn bề  
Lính thú mười người lạ sóng nước  
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi  
... Đảo hoang, vắng cả hồn ma quý  
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên*

Mỗi ngày mỗi đấp xanh rờn lạnh  
Lên xác thân người mãi đứng yên  
Bốn trăm hải lý nhớ không tới  
Ta khóc cười như tự bạo hành  
Đập giập, vác khòm lưng nhẩn nhục  
Đường thân thế lữ, cố đi nhanh  
... Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt  
Bãi Đông lờ mắt, bãi Tây bồi  
Đám cây bật gốc chờ tan xác  
Có hỡi ra đời chẳng chọn nơi?  
Trong làn nước vịnh xanh lơ mộng  
Những cụm rong óng ả bập bênh  
Như những tầng buồn lay động mãi  
Dưới hồn ta tịch mịch long lanh  
... Đất liền, ta gọi, nghe ta không?  
Đập hoảng Vô Biên, tín hiệu trùng  
Mở, mở giùm ta khoảng cách đặc  
Con chim động giấc gào cô đơn  
Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa  
Ánh sáng vang lừng điệu múa điên  
Mái tóc sầu nung từng sợi đỏ  
Kêu giòn như tiếng nứt hoa niên  
Ôi lũ cây gãy ven bãi sụp  
Rể bung còn gượng cuộc tồn sinh  
Gắng tươi cho đến ngày trôi ngã  
Hay đến ngày bờ tái tạo xanh  
San hô mọc tua thêm cành nhánh  
Những nỗi niềm kia cũng mãi khai  
Thời gian kết đá mốc u tịch  
Ta lấy làm bia tưởng niệm Người”.

Người lính trinh sát Trần Hoài Thư trong các cuộc hành quân băng rừng lội suối, sáng tác vài bài thơ nói lên hình ảnh này ở miền Trung. Bài thơ *Qua Sông* của Tô Thùy Yên ở hình ảnh miền Nam sông lạch:

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện  
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa  
Con đường đáo nhậm xa như nhớ  
Chiều mập mờ, xiêu lạc dáng cò  
Quán chạt xanh lên rừng lính ướm  
Mặt bơ phờ dính gió bao la  
Khí ẩm mù bay, mùi thuốc khét  
Chuyện tình cờ nhúm ấm cây mưa

Vang lên những địa danh huyền hoặc  
Mỗi địa danh nồng một xót xa  
Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới  
Mùa mưa như một trận mưa liền  
Châu thổ mang mang trời nước sát  
Hồn chùng hiu hắt nỗi không tên  
Tiếp tế khó - đôi lần phải lục  
Trên người bạn gục đạn mơi viên  
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc  
Trong vết thương người bạn nín rên  
Người chết mấy ngày chưa lấy xác  
Thây sinh mặt nát lạch mương tanh...  
Sông cái nước ven bờ sóng sánh  
Cồn xa cây vượng sáng mơ màng  
Áo quan phong quốc kỳ anh liệt  
Niềm thiên thu đắm cổ xe tang  
Quê xa không tiện đường đưa tiễn  
Nghĩa tận sơ sài đám lạnh tanh  
Thêm một chút gì như hồi hải  
Người thân chưa khóc ráo thâm tình...  
... Nao nao mường tượng bóng mình  
Mặt mừng cõi tới u minh tiếng rền  
Xuống đò, đời đã bỏ quên...  
Một sông nước lớn trào lên mắt người”

Đọc bài thơ này liên tưởng đến bài *Tây Tiến* của Quang Dũng năm 1948.

"*Tây Tiến* đoàn binh không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm..."

Bài thơ *Anh Hùng Tận*, tuy tựa đề như vậy nhưng nói lên khí phách hào hùng, gan dạ, xem cái chết nhẹ như bông, mong manh như tờ trời của người lính VNCH thời chiến:

Dựng súng trường, cỡi nón sắt  
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều  
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt  
Mồi chẳng bao nhiêu rượu rất nhiều...  
... Tới đây toàn những tay hào sĩ  
Sống chết không làm thắt ruột gan

*Cũng không ai nhắc gì thân thế  
Có vợ con mà như độc thân  
... Ta chặt cho nhau giọt rượu sót  
Tưởng đời sót chút thiếu niên đây  
Giờ cất quân, đưa tay bắt  
Ước cõi âm còn gặp để say”.*

Phá Tam Giang thuộc địa phận của tỉnh Thừa Thiên, vùng đầm lầy lớn nhất Đông Nam Á, chỉ có ngư dân nghèo sống thưa thớt. Bài thơ *Chiều Trên Phá Tam Giang* của Tô Thùy Yên mô tả:

*"Chiếc trực thăng bay là mặt nước  
Như cơn mộng nhanh  
Phá Tam Giang, phá Tam Giang  
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát  
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi  
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước  
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi  
Phá Tam Giang, Phá Tam Giang  
Nhớ câu ca dao sầu vụn cổ  
Chiều giòn tan, nắng đọng nút ran ran  
... Chiều trên phá Tam Giang  
Anh sực nhớ em  
Nhớ bất tận  
... Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi  
Rực chiếu bao nhiêu giấc mộng đua đòi  
Như những mặt trời con thật dễ thương  
Sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi  
Mỗi sáng trưa chiều tối đêm khuya  
Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi  
Coi chuyện đó như lần đi tuyệt tích  
Trong nước trời lãng đãng nghìn trùng..."*

Bài thơ này khá dài, được Nhật Trường Trần Thiện Thanh phổ thành ca khúc cùng tên được giới thưởng ngoạn âm nhạc yêu thích.

✱

Thanh Tâm Tuyền, Mai Trung Tĩnh, Hà Thượng Nhân... sáng tác nhiều bài thơ sau tháng Tư năm 1975 khi đi tù. Năm trong lao tù bài thơ *Trong Trại Cải Tạo Nghe Tiếng Còi Tàu Hỏa* của Mai Trung Tĩnh quá nổi. Bài thơ *Tàu Đêm* của Tô Thùy



Yên ghi lại hình ảnh và tâm trạng người tù bị chuyển từ trại tù từ Nam ra Bắc:

"Tàu đi. Lúc đó, đêm vừa mới  
Lúc đó, sao trời đã ngủ mê  
Tàu rú. Sao ơi, hãy thức dậy  
Long lanh muôn mắt tiễn tàu đi  
Thức dậy, những ai còn sống đó  
Nhìn ra nhớ lấy phút giây này  
Tàu đi như một cơn giông lửa  
Cuồn cuộn sao từ ống khói bay  
Cảnh vật mơ hồ trong bóng đêm  
Dàn ra một ảo tượng im lìm  
Ủ ê những ngọn đèn thưa thớt  
Sáng ít làm đêm tối tối thêm  
Bến cảng, nhà kho, những dạng cây...  
Chưa quen mà đã già từ ngay  
Dấu sao cũng một lần tan hợp  
Chớ tiếc nhau vài cái vẫy tay  
Toa nôm lúc nhúc hồn oan khóc  
Đèn bão mờ soi chẳng rõ ai  
... Tàu đi như một cơn điên đảo  
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau  
Ta tưởng chừng nghe thời đại động  
Xô đi âm ỉ một cơn đau  
Ngồi đây giữa những phân cùng bụi  
Trong chuyển dời xung sát bạo tàn  
Ta trở thành than, thành súc vật  
Tiếng người e cũng đã quên ngang  
Ta nghe rêm nhói thân tàn rạc  
Các thối xương lia đụng chỏi nhau  
Nghe cả hồn ta bị cán nghiền  
Trên đường lịch sử sắt tuôn mau  
Dường như ta chợt khóc đau đớn  
Lệ nóng cường toan cháy ruột gan  
Lệ chảy không ra ngoài khóe mắt  
Nghẹn ngào đến cả tiếng than van  
Giá ta có được một hơi thuốc  
Dẫu chỉ là hơi thuốc mốc thối  
Để phả cho hồn ấm tỉnh lại  
Để nghe còn sự sống trên môi  
... Đem thân làm gã tù lưu xứ  
Xí xóa đời ta với đất trời  
Ngàn dặm lia tan tình cố cựu  
Bàng hoàng thân thể cụm mây trôi  
Đã mấy năm nay quẩn quại đời  
Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo

... Tàu đi khoan xoáy sâu đêm thép  
Tiếng nghiêng ghé người, thác lửa sa  
Lịch sử đường như rất vội vã  
Tàu không để lại các ga qua  
Ô, những nhà ga rất cổ xưa  
Dường như ta đã thấy bao giờ  
Đến nay, người giữ ga còn đứng  
Đèn bão đông đưa chút sáng mờ  
Tàu qua những ruộng đồng châu thổ  
Hiu hắt làng xa mấy chấm đèn  
Đêm ở nơi đây buồn lặng lặng  
Cái buồn trải nặng mặt bằng đen  
... Có lúc tàu qua những chiếc cầu  
Sầm sầm những nhịp động đều nhau  
Dưới kia con nước còn thao thức  
Bát ngát dềnh lên bãi sậy sầu  
Có lúc tàu qua những thị trấn  
Mà đêm đã gói lại im lìm  
Tàu qua, âu cũng là thông lệ  
Nên chẳng ai buồn hé cửa xem  
Ôi những nỗi sầu vô dạng ấy  
Gọi ta về với những đêm vui...  
Ở đâu đèn sáng như châu ngọc  
Đường phố người chen chúc nói cười  
... Tàu ơi, hãy kéo còi liên tục  
Cho tiếng rền vang dậy địa cầu  
Lay động những tầng mê sảng tối...  
Loài người, hãy thức, thức cùng nhau."  
1980

Bài thơ *Hái Rau* với thể thơ lục bát phác họa hình ảnh người tù kiếm miếng rau (gọi là cải thiện) để lót dạ:

"Chiều ra đồng hái rau hoang  
Nghe sầu theo gió thổi tràn mặt ta..  
Ơn trời, ơn đất bao la  
Hái đi, này những xót xa kiếp người  
Cổ kim chung một mái trời  
Kính Thi cũng có bóng người hái rau..  
Cúi mình, khổ lụy như nhau  
Tập tàng mót nhặt trả hầu nợ thân  
Cơ trời, núi đổ, sông dâng  
Miều đường bay mái, thánh thần lạc thầy  
Ta nhìn ta, lạ lòng thay  
Tả tơi, đâu chỉ hình hài thấy đây

Đêm nằm, lệ chảy mòn tay  
Nghe chùng đá nát vàng phai đến điều  
Mật mừng gió lửa liu hiu  
Bóng nào khóc, bóng nào kêu, nảo nùng  
Thịt rơi, xương rụng trùng trùng  
Một thời thế ngã với từng xác thân  
Dưới thêm, máu đọng ghê chân  
Mới ăm cửa sập, đã rần cỏ lên  
Bó thân che lấy mạng hèn  
Sống đông một bữa, tâm chèn khổ sao  
... Kiếp này lửa nắng, dầu mưa  
Hậu thân xin chớ nhớ thừa hiện thân  
... Cám ơn rau của đất trời  
Hẩm hiu chưa cả được đời đặt tên  
Cám ơn rau của người hiền  
Quản chi dưới vực, trên triền mọc khơi  
Giá ta hỏi được một lời  
Rau này, trăm họ mấy người đã ăn?  
Bãi dài, nghe hú âm rân  
Ngẩng lên, ngày đã bội phần chầy nghiêng  
Rừng đưa mái võng treo triền  
Như quắn chiếu sánh, như lền gió qua  
Lũng sâu, gom gợn nắng tà  
Dải lau sóng ngất bạc nhòa cuối mây  
... Dặm về, xa bấy là xa  
Lấy ai đồng cảnh cùng ta bước kèm?  
Thu gom áo nón lèm bèm  
Xốc vai bó củi lại kèm bó rau  
Bóng xô dài ngã lao đao  
Phải chẳng lòng nặng, chịu đau mà đi?  
Dọc đường thấy suối xanh rì  
Muốn nghiêng trút tất những gì đeo đai."

1982

Bài thơ *Chim Kêu Bãi Quạnh* viết trong hoàn cảnh bị tù lần thứ hai:

"Khắc khoải chim kêu ngày tận tuyệt  
Ai trầm luân đó có về qua?  
Mông quạnh bãi phơi vũng vướng mắc  
Con cò lặng ngẩng lẳng hơi thu  
... Khắc khoải chim kêu hồn khuấy giặt  
Cảnh nổi trôi giờ đã lặng chưa?  
Ngấn nước đục khoen lem cỏ sậy  
Lưu mà chi chỉ dấu phù hư?"

Xương cốt vẫn là xương cốt cũ  
Đành rêm nhức mãi trở trời xưa  
Linh chẳng những vàng tiền mẹ đốt?  
Cửa để, con đi chơi về khuya  
Khắc khoải chim kêu đời khổ nạn  
Cò ai ngồi rặng cội cây già?  
Chim vút lên như hòn đá ném  
Rồi tôi, cái có chỉ là qua  
Chiều nay, trên bãi sông run rủi  
Mường tượng dòng sông trôi tro ta  
Một mai, ngoài cõi gió hao đuối  
Ai hỏi ai về ai trước kia?  
... Chiều bóc, bóc dần những rớt nắng  
Loi ngoi năm níu lũng triền xa".  
8.1998

\*

Sau mười năm lao tù, bài thơ *Ta Về* của Tô Thùy Yên quá tuyệt. Bài thơ này có 33 đoạn gồm 132 câu:

"Ta về một bóng trên đường lớn  
Thơ chẳng ai để vạt áo phai  
Sao bỗng nghe đau mềm phế phủ  
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay  
Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dập  
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu  
Mười năm mặt sạm soi khe nước  
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ  
Ta về qua những trướng cùng phá  
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may  
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ  
Nghe tàn cát bụi tháng năm bay  
... Ta về như bóng chim qua trể  
Cho vội vàng thêm gió cuối mùa  
Ai đứng trông vời mây nước đó  
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ  
... Ta về cúi mái đầu sương điểm  
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời  
Cảm ơn hoa đã vì ta nở  
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi  
... Ta khóc tạ ơn đời máu chảy  
Ruột mềm như đá dưới chân ta

Mười năm chớp bể mưa nguồn đó  
Người thức mong buồn tận cõi xa  
Ta về như hạt sương trên cỏ  
Kết tụ sâu nhân thế chuyển dời  
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt  
Tội tình chi lắm nữa người ơi  
... Ta về như sợi tơ trời trắng  
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh  
Ai gọi ai đi ngoài cõi vắng  
Dừng chân nghe quặn thắt tâm can  
... Ta về như tứ thơ xiêu tán  
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên  
Nhà cũ mừng còn nguyên mái, vách  
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền  
Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ  
Nhà thương, khó quá sống thờ ơ  
Giậu nghiêng cống đổ, thêm um cỏ  
Khách cũ không còn, khách mới thưa  
... Ta về như đứa con phung phá  
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu  
Mười năm, con đã già trông thấy  
Huống mẹ cha đèn sắp cạn dầu  
Con gắm lại đời con thất bát  
Hứa trăm điều một chẳng làm nên  
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyễn  
Giọt lệ sương thấm khóc biển thiên  
... Ta về như nước Tào Khê chảy  
Tinh đầu mười năm luống nhạt mờ  
Thân thích những ai giờ đã khuất  
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa  
Người chết đưa ta cùng xuống mộ  
Đâu còn ai nữa đứng bờ ao  
Khóc người ta khóc ta rơi rụng  
Tuổi hạc ôi ngày một một hao  
Ta về như bóng ma hồn tử  
Lục lại thời gian kiếm chính mình  
Ta nhạt mà thương từng phế liệu  
Như từng hài cốt sắp vô danh  
... Ta tiếc đời ta sao hữu hạn  
Đành không trả hết được lòng ta”.

Năm 1987, tôi mới về thăm Sài Gòn trước vật đổi sao dời, gặp Phan Xuân Sinh chép tay bài thơ này, đọc mà ngậm ngùi với "Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương" (Nguyễn Gia Thiều). Gặp người bạn đồng khóa (Đặng Niên) khi ra tù thì vợ con ở hải ngoại, sống lang thang, đêm đến tá túc nơi này nơi nọ, bỏ mỗi cà phê (hình như TTY cũng vậy) để sống qua ngày. Bạn tôi thuộc lòng bài thơ này như nỗi lòng, tâm trạng của mình. Đặng Niên nói với tôi, "Mấy đọc sách nhiều, có quyển nào

*trước đây viết hay, thấm thía như vậy không?. Tôi nói, "Nếu ông Victor Hugo, tác giả quyển Những Kẻ Khốn Cùng (Les Misérables) tái sinh mà đọc bài thơ này thì mới viết nổi ý thơ".*

Tôi rất thích hai câu thơ đầu tiên trong bài *Nói Một Mình "Tôi đứng yên một đời như Bắc Đẩu.. Trên đau buồn như trên một chiến công"* của Tô Thùy Yên. Vì vậy với những bài thơ trích dẫn ở trên, với tôi lúc đó, Tô Thùy Yên là vì sao Bắc Đẩu trong thi đàn Việt Nam hiện đại. Thơ ông bàng bạc tâm hồn nhân bản với tha nhân.

✱

Về đời sống cá nhân, văn nhân thường lãng mạn với *"người đi qua đời tôi"*, điều đó cũng có thể cảm thông nhưng điều qua trọng là bổn phận và trách nhiệm của cuộc tình với giọt máu của mình. Cuộc tình giữa Tô Thùy Yên và Nguyễn Thị Thụy Vũ của một thời ở Sài Gòn là mối tình văn nhân. TTY và NTTV chủ trương nhà xuất bản Hồng Đức, sau đổi tên thành Kẻ Sĩ. Với Nguyễn Thị Thụy Vũ, Tô Thùy Yên có bài thơ tự do *Bất Tận Cuộc Đời Hung Hãn Đó*, tặng Thụy Vũ, ghi 7-1972 đăng báo Văn ở Sài Gòn, số 208 ngày 15-8-1972:

*"... Ta cảm ơn người đời. Cảm ơn trời đất  
Còn lưu trữ khoảng cỏ cây này đến tận hôm nay  
Để ngày ngày ta đến đổ dành những nỗi ưu tư  
Dưới nét phác nụ cười thắm mê man của Định Mệnh  
Để ngày ngày ta đến điều trần lặng lẽ trước Vô Cùng  
Về một Hữu Hạn tuyệt vời đang phóng dụng...  
... Chúng ta sẽ gia giáo hóa thiên nhiên  
Chúng ta sẽ đồng loạt hóa Định Mệnh  
Chúng ta sẽ nhật tu đời sống miên man trong từng phạm vi chi tiết nhất  
Và chúng ta sẽ không ngừng sửa soạn bản thân cho hợp thời trang  
Ngay từ bây giờ chúng ta phải hối hả...  
... Hỡi con chim kia, hãy thành thơ khép kín vòng bay diễm tuyệt đó  
Đêm. Đêm lót trái giường nghỉ ngơi thơm.  
Đêm hạ thấp chập chờn cung bức những xô xao.  
Đêm, tâm sự người ngoại.  
Đêm, thời gian tàn hơi tắt lịm.  
Đêm cốt tủy đêm  
Đêm xóa bỏ..."*

Thế nhưng, sau cuộc đổi đời, tai họa ập đến để rơi vào hoàn cảnh bi thương!  
Đoàn Dự viết về Nguyễn Thị Thụy Vũ đăng trên tờ Thời Báo tháng 9 năm 2014:

"Sau năm 1975, chị Thụy Vũ không còn viết lác gì nữa, chỉ buôn bán lật vặt, kể cả làm lơ xe đồ để có tiền nuôi ba đứa con nhỏ dại với nhà thơ Tô Thùy Yên... Đời sống quá khổ cực, nhờ bà mẹ cho một khu đất trồng cà phê ở Lộc Ninh, chỉ bán căn nhà ở Làng Báo Chí được mấy chỉ vàng, cộng với chút ít vốn liếng đã tích góp được, lên Lộc Ninh dựng căn chòi nhỏ, mua được hai con bò và mấy con dê, trồng trọt rau cỏ, trồng nom cà phê, đời sống hết sức khốn quẫn. Sau, có một nhà văn (tôi không nhớ rõ tên), từ bên Mỹ về, lên thăm thấy chị khổ cực quá nên khi trở lại Mỹ, viết bài "Thụy Vũ chăn dê" (lấy tích Tôn Vũ chăn dê trong truyện Chiêu Quân Cống Hồ đời Tống bên Tàu), đăng lên các báo bên ấy. Các văn hữu và nhiều độc giả ở Mỹ biết tin, gom góp nhau gửi tiền về giúp đỡ...

... Từ thời con gái, làm nghề viết văn và dạy học, chị Thụy Vũ chung sống với nhà thơ Tô Thùy Yên (mối tình văn nghệ), sinh được 3 con (lấy họ Nguyễn), hai gái, một trai. Cháu lớn tên Khôi Hạnh. Cháu trai tên Khôi Hạo. Cháu gái nhỏ nhất tên Khôi Thụy (sinh năm 1973). Nhưng chẳng may, cháu Khôi Thụy lúc mới 2 tuổi, chị người làm không cẩn thận khiến cháu bị té ngửa từ trên giường xuống nền gạch, chấn thương sọ não rất nặng. Suốt bao nhiêu năm nay cháu sống đời sống thực vật, chỉ nằm một chỗ, u mơ không biết gì hết...

... Cuối năm 1993, anh (TTY) cùng người vợ chính thức là cô giáo Huỳnh Diệu Bích và các con sang Mỹ định cư theo diện HO... Cháu Đình Quỳnh Giao, bác sĩ bên Mỹ, con gái anh chị Tô Thùy Yên gửi về giúp đỡ. Cháu Đình Quỳnh Giao rất thương xót đứa em cùng cha khác mẹ tên Nguyễn Khôi Thụy đang nằm liệt giường. Mỗi tháng cứ đến khoảng 27, 28 là cháu gửi \$100 về cho em..."

Đầu năm 2000, khi đọc bài viết của nhà văn Văn Quang với câu chuyện về con gái của nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ: "Người con gái 27 năm sống với đời sống thực vật". Bài viết của tôi: "Nguyễn Thị Thụy Vũ, giữa dòng đời nghiệt ngã" vào tháng 5 năm 2000, được phổ biến trên các tờ báo ở Hoa Kỳ (Sau này in trong cuốn Văn Nhân & Tình Sử, trang 325-347, ấn hành năm 2015). Trong đó có đề cập đến trường hợp này.

Qua hai bài viết đó, tôi và anh Văn Quang thường liên lạc giới nhau. Loạt bài "Lắm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự" (sau này đổi thành Viết Từ Sài Gòn) của anh rất thú vị với độc giả ở hải ngoại nên được giới thiệu để phổ biến thêm ở nhật báo Viễn Đông ở Little Saigon. (Anh là bạn đồng khóa 4 Thủ Đức với anh thông gia Hoàng Tích Thông của tôi).

Có lẽ bài viết của Văn Quang về cháu Khôi Thụy đã động lòng trắc ẩn của đồng hương hải ngoại, liên lạc với anh để giúp đỡ nên có nhiều dịp ghé Lộc Ninh. Năm 2002, ông rời bỏ Sài Gòn và dọn lên Lộc Ninh sinh sống.

Sau này trong hồi ký "Ngày Tháng Chưa Quên" của anh ghi:

"Tôi ở tù cải tạo 12 năm, 2 tháng, 26 ngày, thừa điều kiện đi HO. Nhưng vì chuyện gia đình, gửi giấy bảo lãnh nên tôi không đi nữa. Chuyện gia đình rất nhiều điều tế nhị, tôi không viết ở đây. Hơn thế, tôi đang sống cùng người đàn bà khác không hôn thú làm sao đi được, không lẽ tôi bỏ lại tất cả đi một mình..."

Anh thích đời sống thôn quê nhưng ở Lộc Ninh được thời gian thì tại họa lại đến khi Công An địa phương ra tay khủng bố "Khoảng 8 giờ sáng, bỗng một toán cảnh sát vài chục anh kéo đến xông vào nhà tôi... Họ hùng hổ như đi bắt cướp. Kéo nhau vào

*sục sạo khắp nhà, từ mấy ngăn kéo đến gầm giường. Có cái máy móc nào họ lôi ra hết, đóng vào thùng khuôn xuống xe kể cả mấy cái computer, máy chụp hình, điện thoại...*

*Cứ như thế suốt một tuần, họ thay nhau hỏi cung, lúc nhẹ nhàng cười cợt, lúc kết tội rất căng. Đó là kiểu khủng bố tinh thần để làm mất tinh thần đối thủ...". Vì vậy anh phải bỏ Lộc Sinh để trở lại Sài Gòn.*

Theo bài viết của An Nam trên BBC, ngày 23 tháng 3 năm 2017: Về nữ văn sỹ của miền Nam Nguyễn Thị Thụy Vũ, cho biết:

*"... Cuộc sống sau 'giải phóng' vô cùng khó khăn. Tui một mình nuôi bầy con nheo nhóc, có đứa bị thiếu năng năm một chỗ. Tui phải để nó cho mấy đứa lớn cho ăn, chăm sóc còn mình thì đi làm thuê bán vé xe bus cho một người bạn... Xe chạy tuyến Thủ Đức - Sài Gòn, từ sáng đến tối mịt mới về nhà. Về đến nhà thấy con cái đứa thì nằm ngủ trên vũng nước đái, đứa lêu lổng đi chơi không cho em ăn... nhìn cái cảnh đó tui muốn chết đi cho rồi. Khó khăn quá, năm 1980 tui bỗng bế tui nhỏ về Bình Phước nương nhờ má cho đến bây giờ", bà kể.*

Xưa tui bỏ nó ở nhà đi làm báo, nó bị té, ảnh hưởng não nên năm một chỗ đến giờ, vậy mà giờ nó nuôi tui bằng tiền từ thiện bạn bè, các nhà hảo tâm thương tình giúp đỡ...

Làm nhiều nghề kiếm sống nuôi con, từ chăn dê, buôn bán, trồng tiêu..., cây bút nữ dẫn thân nhất của văn đàn miền Nam trước 1975 đã không còn viết gì nữa kể từ sau 'giải phóng'. Bà kể:

*"Ông (tức, Tô Thùy Yên) thì theo gia đình vợ con ông đi sang Mỹ, có đời sống riêng. Tui làm đủ nghề lo cho con.*

*Ba đứa con tui cũng thành nhân, yên bề gia thất. Có một thằng làm thơ, người ta nói nó có chịu ảnh hưởng của cha nó. Nhưng mấy con tui, đứa nào cũng nghèo, chẳng giúp gì được mình. Tui sống nhờ đứa con bị tàn tật.*

*Xưa tui bỏ nó ở nhà đi làm báo, nó bị té, ảnh hưởng não nên năm một chỗ đến giờ, vậy mà giờ nó nuôi tui bằng tiền từ thiện bạn bè, các nhà hảo tâm thương tình giúp đỡ...".*

Tô Thùy Yên và vợ con định cư tại Minnesota, Hoa Kỳ theo diện H.O năm 1993.

Năm 1995, tập Thơ Tuyển của Tô Thùy Yên được xuất bản tại Hoa Kỳ, thi phẩm dày 224 trang, gồm có 37 bài, trong đó bài thơ *Thấp Tọa* của TTY tặng Huỳnh Diệu Bích:

*"Một mình nàng lên núi chan chứa  
Hỏi tìm cho gặp đá tiên tri  
Về sau, đời có ra sao nữa  
Cũng đã đành tâm sẵn một bề  
Đá, chẳng đá nào lên tiếng với...  
Nàng đi thôi đã nát chân hồng  
Nghe con vượn ẩn thân khóc hối  
Một lần lỡ bỏ chuyến lìa non*



Một mai nàng vô rừng u ẩn  
Nhặt trái nửa về nhuộm dạ sầu  
Thấy trăm họ cỏ cây chen quẩn  
Nương nấu nhau mà tội nợ nhau  
Con loan, con phượng bay đâu lạc  
Đến nỗi nào, sao chẳng gọi bầy?  
Nếu như hoa biết chiều nay rụng  
Âu cũng vui mà nở sáng nay  
Một mai nàng qua cầu cam mặc  
Mưa nắng gì thôi cũng một thì...  
Rau hạnh, rau vi từ lúc có  
Chưa từng nguôi biếc bãi Kinh Thi  
Cửa đẩy lằm, vô lường cuộc diện...  
Ba ngàn thế giới đã nhà chưa?  
Lâu ngày, thân thể rách như gió  
Thấy lại mình như kẻ đáng ngờ...  
Một mai nàng đến thành hoa gấm  
Hát một chiều, tiền thưởng ngập chân  
Vui nồn náo trời, thốc tới biển  
Một lần, thử đổi bỏ chân thân  
Gà nửa khuya gáy xộ trắng muộn  
Ai hồ nghi lộn kiếp bên này?  
... Thấp tạ càn khôn một vô ích  
Thấp tạ nhân quần một luyện thương  
Biển Đông đã một ngày xe cát...  
Đắm giặt, mơ lai kiếp đã tràng”.

*Thấp Tạ* cho người bạn đời như vậy nhưng rồi ông bỏ xứ vạn hồ Minnesota, lập lại "*cuộc tình văn nghệ*" với cô Phan Dục (ngâm thơ rất hay) và về chung sống tại Texas. Năm 2006, ông bị bệnh tim trầm trọng. Phan Dục cũng chấp nối với cuộc tình khác!

Qua các tác phẩm kiếm hiệp của Kim Dung viết về nơi chốn núi rừng, không những chuyện đấm đá, giết nhau mà lồng vào đó nhân sinh quan của cuộc sống.

Tây Độc Âu Dương Phong là tên đại ác nhưng là người cha hết mực thương con trai Âu Dương Khắc. Đông Tà Hoàng Dực Sư coi mạng người như ngóe nhưng lặn lội khắp nơi để bảo vệ cô con gái Hoàng Dung. Trong tứ ác (xếp theo thứ tự chữ ác) ở chốn võ lâm có Ác Quán Mãn Doanh (kẻ ác nhất thiên hạ) Đoàn Diên Khánh quá tàn độc. Cuối cùng, mẹ của Đoàn Dự là Dao Bạch Phượng tiết lộ rằng bà ấy chính là Phật Quan Âm đêm đó và Đoàn Dự thực ra là con trai của ông. Đoàn Diên Khánh do đó từ bỏ việc chiếm lại ngai vàng, do con trai của ông cuối cùng sẽ giúp ông hoàn thành mơ ước đó. Vô Ác Bất Tác (không ác không làm) Diệp Nhị Nương có một mối tình bí mật với sư trụ trì Quang Trí của Thiếu Lâm và sinh đứa con trai, nhưng đứa trẻ bị bắt cóc bởi một kẻ tấn công đeo mặt nạ. Bà bị sốc về mặt tinh thần và do đó đi bắt cóc trẻ sơ sinh của người khác và đối xử như là con mình trước khi giết đi. Trong trận chiến tại Thiếu Lâm, bà nhận ra Hư Trúc là con trai của mình sau khi

nhìn thấy vết son trên trên lưng và đoàn tụ với nhau. Diệp Nhị Nương chết cùng với Quang Trí sau khi ông công khai thú nhận mối quan hệ của mình với bà.

Nhậm Ngã Hành, giáo chủ Nhật Nguyệt Thần Giáo, thuộc loại đại ác nhưng rất mực yêu thương và bảo vệ cả mạng sống của mình cho con gái Nhậm Doanh Doanh... Những tên đại ác các trong tác phẩm Kim Dung không thể nào quay lưng, bỏ rơi giọt máu của mình. Kim Mao Sư Vương Tạ Tốn trong tà giáo bị sư phụ phản, từ hận thù gây bao tội ác dã man. Khi ở băng đảo, mù mắt, nhận Vô Kỵ làm nghĩa tử, khi Vô Kỵ vào Trung Nguyên, Tạ Tốn bất chấp hiểm nguy, cạm bẫy, thù hận nên rời băng đảo để tìm và bảo vệ nghĩa tử... Nhan nhản những nhân vật gian ác trong tác phẩm Kim Dung không có trái tim với quân hùng nhưng lại nặng tình với giọt máu của mình.

Thi ca chuyên chở từ trái tim cùng lẽ sống giữa nhân gian. Khi nhà thơ mang nặng "tử tâm", thơ là tiếng lòng, thơ là hơi thở của cuộc sống hòa nhịp với sự rung cảm của tha nhân, không ai nghĩ rằng xảy ra nghịch lý. Tâm hồn nhà thơ như vậy nếu quên đi giọt máu của mình, thật là điều đáng tiếc!

### ***Vương Trùng Dương***

Little Saigon, Sept 2018

**Nguồn:** <https://www.banvanghe.com/a9925/vuong-trung-duong-to-thuy-yen-thi-ca-le-song>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

